



HAGL Group

Số: 15/2025/CV-HAGL

(V/v giải trình kết quả kinh doanh
trên BCTC tổng hợp Quý I/2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Gia Lai, ngày 14 tháng 4 năm 2025

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý I/2025 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Khoản mục	BCTC tổng hợp Quý I/2025	BCTC tổng hợp Quý I/2024	Biến động
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7)	(59)	52

Trong Quý I/2025, Công ty lỗ 7 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lãi vay vẫn còn cao trong khi lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu từ hoạt động tài chính không đủ để bù đắp.

Biến động kết quả kinh doanh như sau:

- Lỗ hoạt động tài chính giảm 46 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là chi phí lãi vay giảm do Công ty đã trả phần lớn dư nợ trái phiếu.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do Quý I/2025 giảm các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý I/2025.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN THẮNG

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

www.hagl.com.vn



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2025



NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 36



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.457.038.678	1.455.657.275
110	I. Tiền	4	100.576.685	4.164.549
111	1. Tiền		100.576.685	4.164.549
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.352.114.496	1.447.158.633
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.686.012	23.096.788
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	312.031.280	313.099.268
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	87.664.708	87.637.750
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.855.326.929	1.949.919.260
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(926.594.433)	(926.594.433)
140	III. Hàng tồn kho	9	813.266	796.673
141	1. Hàng tồn kho		3.154.841	3.138.248
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.534.231	3.537.420
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	1.925
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		406.652	407.916
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		3.127.579	3.127.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.341.759.070	13.293.317.837
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.502.565.543	1.500.126.745
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	999.457.034	999.457.034
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	503.108.509	500.669.711
220	II. Tài sản cố định		118.330.988	119.476.950
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	93.052.809	94.198.771
222	Nguyên giá		212.113.628	212.113.628
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(119.060.819)	(117.914.857)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.278.179	25.278.179
228	Nguyên giá		40.095.952	40.095.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.817.773)	(14.817.773)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	33.823.399	34.296.263
231	1. Nguyên giá		47.003.809	47.003.809
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(13.180.410)	(12.707.546)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.852.975	17.742.936
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.852.975	17.742.936
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.666.568.029	11.620.880.529
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	11.884.027.219	11.891.977.939
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	916.380.007	916.380.007
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13	(1.138.839.197)	(1.192.477.417)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.618.136	794.414
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	711.109	794.414
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.907.027	-
270	TÓNG CỘNG TÀI SẢN		14.798.797.748	14.748.975.112

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.620.096.205	7.562.900.411
310	I. Nợ ngắn hạn		6.310.578.451	6.213.254.064
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	51.170.273	55.391.202
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	15.580.508	14.949.040
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.491.477	2.588.975
314	4. Phải trả người lao động		5.917.437	5.536.555
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.908.676.349	3.808.273.562
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	410.946.015	407.905.069
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.916.692.882	1.918.506.151
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		1.309.517.754	1.349.646.347
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	122.559.195	163.412.260
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	7.666.626	7.666.626
338	3. Vay dài hạn	20	1.171.928.694	1.171.204.222
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.998.405	1.998.405
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.178.701.543	7.186.074.701
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	7.178.701.543	7.186.074.701
411	1. Vốn cổ phần		10.574.679.470	10.574.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.574.679.470	10.574.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
421	3. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(3.395.291.287)	(3.387.918.129)
421a	- Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.388.686.129)	(3.122.155.471)
421b	- Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này		(6.605.158)	(265.762.658)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.798.797.748	14.748.975.112

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2025

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.908.369	1.650.048	2.908.369	1.650.048
11	2. Giá vốn hàng bán	23	(2.112.064)	(792.350)	(2.112.064)	(792.350)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		796.305	857.698	796.305	857.698
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	20.453.159	54.799.096	20.453.159	54.799.096
22	5. Chi phí tài chính	24	(16.051.040)	(96.602.787)	(16.051.040)	(96.602.787)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(61.437.891)	(96.602.787)	(61.437.891)	(96.602.787)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(690.337)	(1.177.263)	(690.337)	(1.177.263)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(12.745.521)	(16.293.716)	(12.745.521)	(16.293.716)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.237.434)	(58.416.972)	(8.237.434)	(58.416.972)
31	9. Thu nhập khác	27	203.144	107.244	203.144	107.244
32	10. Chi phí khác	27	(477.895)	(380.445)	(477.895)	(380.445)
40	11. Lỗ nhuận khác	27	(274.751)	(273.201)	(274.751)	(273.201)

BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(8.512.185)	(58.690.173)	(8.512.185)	(58.690.173)
52	13. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại		1.907.027	(464.951)	1.907.027	(464.951)
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(6.605.158)	(59.155.124)	(6.605.158)	(59.155.124)



Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 14 tháng 4 năm 2025



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2025

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Lỗ kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		(8.512.185)	(58.690.173)
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	1.618.826	1.662.508
03	Hoàn nhập dự phòng		(45.687.500)	(69.854.075)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(387.838)	(10.764.991)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(20.065.327)	(44.034.113)
06	Chi phí lãi vay	24	61.437.891	96.602.787
08	Lỗ sử dụng vào hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(11.596.133)	(85.078.057)
09	Giảm các khoản phải thu		54.538.677	136.968.037
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(16.593)	279.707
11	Giảm các khoản phải trả		(1.231.388)	(49.168.956)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		85.230	(138.560)
15	Thuế TNDN đã nộp		(37.667)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(768.000)	(384.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.974.126	2.478.171
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(110.039)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		520.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	414.686.600
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		58.028.049	2.001.058
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		58.438.010	416.687.658

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.000.000)	(422.032.545)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(3.000.000)	(422.032.545)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		96.412.136	(2.866.716)
60	Tiền đầu kỳ	4	4.164.549	7.946.716
70	Tiền cuối kỳ	4	100.576.685	5.080.000

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 4 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2025

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo ba mươi ba (33) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty có sáu (6) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty (bao gồm báo cáo của Hội sở và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc) được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý I/2025 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	10 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 48 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại giữa niên độ trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt tại quỹ	574.858	601.565
Tiền gửi ngân hàng	100.001.827	3.562.984
TỔNG CỘNG	100.576.685	4.164.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.780.253	20.432.243
Phải thu tiền bán tài sản cố định	1.174.763	1.694.763
Phải thu tiền bán căn hộ	730.996	969.782
TỔNG CỘNG	23.686.012	23.096.788

Phải thu ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 14.643.226 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 (*Thuyết minh số 29*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	312.031.280	313.099.268

Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 308.307.865 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 (*Thuyết minh số 29*).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	61.722.674	61.722.674
Trong đó:		
- Cho vay ngắn hạn các công ty con (i)	61.722.674	61.722.674
Cho vay ngắn hạn các công ty, cá nhân và các bên khác (ii)	25.942.034	25.915.076
	87.664.708	87.637.750
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29) (i)	999.457.034	999.457.034
	999.457.034	999.457.034
TỔNG CỘNG	1.087.121.742	1.087.094.784

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp các công ty con có thời hạn hoàn trả từ tháng 4 năm 2025 đến tháng 12 năm 2026.
- (ii) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 4 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.759.811.359	1.892.832.548
Phải thu các công ty khác	84.760.674	42.487.317
Phải thu nhân viên	10.240.216	10.190.992
Các khoản khác	514.680	4.408.403
	1.855.326.929	1.949.919.260
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng hợp tác đầu tư	453.425.000	453.425.000
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	49.683.509	47.244.711
	503.108.509	500.669.711
TỔNG CỘNG	2.358.435.438	2.450.588.971

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nguyên vật liệu	1.908.325	1.936.837
Hàng hóa	982.376	982.376
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	205.805	160.700
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	205.805	160.700
Thành phẩm	58.335	58.335
TỔNG CỘNG	3.154.841	3.138.248
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	813.266	796.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 3 năm 2025	154.681.086	16.136.179	30.672.274	3.826.589	6.689.440	108.060	212.113.628
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(62.353.884)	(15.963.999)	(29.254.343)	(3.545.131)	(6.689.440)	(108.060)	(117.914.857)
Khấu hao trong kỳ	(782.571)	(18.681)	(288.675)	(56.035)	-	-	(1.145.962)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	(63.136.455)	(15.982.680)	(29.543.018)	(3.601.166)	(6.689.440)	(108.060)	(119.060.819)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	92.327.202	172.180	1.417.931	281.458	-	-	94.198.771
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	91.544.631	153.499	1.129.256	225.423	-	-	93.052.809



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 3 năm 2025	25.278.179	14.817.773	40.095.952
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 3 năm 2025	-	(14.817.773)	(14.817.773)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 3 năm 2025	25.278.179	-	25.278.179

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	
Nguyên giá		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 3 năm 2025		47.003.809
Giá trị khấu hao lũy kế		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		(12.707.546)
Khấu hao trong kỳ		(472.864)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025		(13.180.410)
Giá trị còn lại		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		34.296.263
Ngày 31 tháng 3 năm 2025		33.823.399

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	11.884.027.219	(820.533.726)	11.891.977.939	(828.484.446)
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000	(5.000.000)	5.000.000	(5.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	916.380.007	(313.305.471)	916.380.007	(358.992.971)
TỔNG CỘNG	12.805.407.226	(1.138.839.197)	12.813.357.946	(1.192.477.417)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Lê Me	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	87,74	3.450.326.000	-	87,74	3.450.326.000	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	98,78	2.989.291.000	(712.985.120)	98,78	2.989.291.000	(712.985.120)
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Gia súc Lơ Pang")	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	95,45	2.745.600.000	-	95,45	2.745.600.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Trồng trọt và chăn nuôi	Đang hoạt động	85,00	2.591.261.613	-	85,00	2.591.261.613	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	Đang hoạt động	97,50	89.769.616	(89.769.616)	97,50	89.769.616	(89.769.616)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	(17.778.990)	100,00	17.778.990	(17.778.990)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Trồng trọt và chăn nuôi	Đã giải thể (*)	-	-	-	88,03	7.950.720	(7.950.720)
TỔNG CỘNG				11.884.027.219	(820.533.726)		11.891.977.939	(828.484.446)

(*) Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/25/NQHĐQT-HAGL ngày 7 tháng 1 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	8,24	909.019.966	(305.945.430)	8,24	909.019.966	(351.632.930)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	(6.200.000)	2,00	6.200.000	(6.200.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	(1.160.041)	-	1.160.041	(1.160.041)
TỔNG CỘNG			916.380.007	(313.305.471)		916.380.007	(358.992.971)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công cụ, dụng cụ	93.901	238.120
Chi phí trả trước dài hạn khác	617.208	556.294
TỔNG CỘNG	711.109	794.414

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	51.170.273	55.391.202
TỔNG CỘNG	51.170.273	55.391.202

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 27.206.102 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 (Thuyết minh số 29).

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	15.580.508	14.949.040

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 14.289.547 ngàn VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 (Thuyết minh số 29).

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thuế giá trị gia tăng	800.671	1.499.165
Thuế thu nhập cá nhân	624.848	723.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	65.958	103.625
Các khoản khác	-	262.187
TỔNG CỘNG	1.491.477	2.588.975

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.889.360.028	3.788.980.275
Trong đó:		
Chi phí lãi trái phiếu	3.886.932.848	3.786.553.095
Chi phí lãi vay tổ chức, cá nhân	2.427.180	2.427.180
Chi phí hoạt động	15.908.109	15.908.108
Các khoản khác	3.408.212	3.385.179
	3.908.676.349	3.808.273.562
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	122.559.195	163.412.260
Trong đó:		
Chi phí lãi trái phiếu	122.559.195	163.412.260
	122.559.195	163.412.260
TỔNG CỘNG	4.031.235.544	3.971.685.822

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngân VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	343.052.069	377.057.289
Các khoản khác	67.893.946	30.847.780
	410.946.015	407.905.069
Dài hạn		
Các khoản khác	7.666.626	7.666.626
	7.666.626	7.666.626
TỔNG CỘNG	418.612.641	415.571.695

20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả trong vòng một năm	1.916.692.882	1.918.506.151
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước	1.171.928.694	1.171.204.222
TỔNG CỘNG	3.088.621.576	3.089.710.373
<i>Chi tiết trái phiếu thường như sau:</i>		
	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>		
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	3.102.000.000	3.105.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(13.378.424)	(15.289.627)
TỔNG CỘNG	3.088.621.576	3.089.710.373
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	1.171.928.694	1.171.204.222
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	1.916.692.882	1.918.506.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Quý I năm 2024					
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.398.978.774)	6.154.909.359
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(59.155.124)	(59.155.124)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	(384.000)	(384.000)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2024	9.274.679.470	(686.640)	279.895.303	(3.458.517.898)	6.095.370.235
					Ngàn VND
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Quý I năm 2025					
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2024	10.574.679.470	(686.640)	-	(3.387.918.129)	7.186.074.701
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(6.605.158)	(6.605.158)
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	(768.000)	(768.000)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2025	10.574.679.470	(686.640)	-	(3.395.291.287)	7.178.701.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.057.467.947	1.057.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.057.467.947	1.057.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.057.467.947</i>	<i>1.057.467.947</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.057.399.283	1.057.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.057.399.283</i>	<i>1.057.467.947</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	2.908.369	1.650.048	2.908.369	1.650.048
Trong đó:				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	1.603.775	284.061	1.603.775	284.061
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.304.594	1.365.987	1.304.594	1.365.987

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	20.049.483	11.752.468	20.049.483	11.752.468
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	387.838	10.764.991	387.838	10.764.991
Cổ tức	-	30.228.603	-	30.228.603
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	2.051.976	-	2.051.976
Doanh thu tài chính khác	15.838	1.058	15.838	1.058
TỔNG CỘNG	20.453.159	54.799.096	20.453.159	54.799.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay		Năm nay	
	Năm trước		Năm trước	
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.603.775	284.061	1.603.775	284.061
Giá vốn dịch vụ cung cấp	508.289	508.289	508.289	508.289
TỔNG CỘNG	2.112.064	792.350	2.112.064	792.350

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay		Năm nay	
	Năm trước		Năm trước	
Chi phí lãi vay	61.437.891	96.602.787	61.437.891	96.602.787
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(45.687.500)	-	(45.687.500)	-
Các khoản khác	300.649	-	300.649	-
TỔNG CỘNG	16.051.040	96.602.787	16.051.040	96.602.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	561.104	852.223	561.104	852.223
Chi phí lương nhân viên	97.002	96.297	97.002	96.297
Chi phí khác	32.231	228.743	32.231	228.743
TỔNG CỘNG	690.337	1.177.263	690.337	1.177.263

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	8.831.638	8.617.983	8.831.638	8.617.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.623.308	4.429.234	1.623.308	4.429.234
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.121.042	1.229.349	1.121.042	1.229.349
Chi phí khác	1.169.533	2.017.150	1.169.533	2.017.150
TỔNG CỘNG	12.745.521	16.293.716	12.745.521	16.293.716



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Quý I</i>		<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	203.144	107.244	203.144	107.244
Các khoản khác	203.144	107.244	203.144	107.244
Chi phí khác	477.895	380.445	477.895	380.445
Khấu hao tài sản ngừng sử dụng	98.714	66.615	98.714	66.615
Các khoản phạt	1.932	313.014	1.932	313.014
Các khoản khác	377.249	816	377.249	816
LỖ KHÁC	(274.751)	(273.201)	(274.751)	(273.201)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(8.512.185)	(58.690.173)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	98.714	66.615
Các khoản phạt	1.932	313.014
Chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	387.839	199.362
Thu nhập từ cổ tức	-	30.228.603
Lỗ chịu thuế ước tính	(8.023.700)	(27.882.579)
Thuế TNDN đầu kỳ	103.625	28.062.353
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(37.667)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	65.958	28.062.353
(Thuyết minh số 17)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	13.308.904
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.667.096
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.556
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	5.796.225
		Mua hàng hóa và dịch vụ	25.500
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.133
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.562.688
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	944.354

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	4.761.898
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Bán hàng hóa	3.342.058
Công ty Cổ phần Thể thao LBBank Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	2.865.320
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	2.728.515
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	945.435
TỔNG CỘNG			14.643.226



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	286.841.877
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	21.465.988
TỔNG CỘNG			308.307.865
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	61.722.674
TỔNG CỘNG			61.722.674
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	705.000.000
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	244.556.333
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	49.900.701
TỔNG CỘNG			999.457.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau (tiếp theo):

			Ngân VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Chi trả hộ	731.094.093
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ	592.910.253
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Công ty con	Chi trả hộ	141.346.241
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	118.590.229
		Lãi cho vay	1.227.942
Công ty TNHH sản xuất Bột Mì	Công ty con	Chi trả hộ	101.787.207
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Công ty con	Chi trả hộ	44.031.958
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	27.441.326
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	1.382.110
TỔNG CỘNG			1.759.811.359
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	33.076.987
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	12.890.508
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Lãi cho vay	3.716.014
TỔNG CỘNG			49.683.509
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	15.503.068
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	8.997.560
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	2.117.678
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	587.796
TỔNG CỘNG			27.206.102



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	8.640.087
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	5.649.460
TỔNG CỘNG			14.289.547

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)

Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty con	Mượn tạm	311.783.260
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm	5.737.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Thu hộ	2.762.059
TỔNG CỘNG			343.052.069

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 4 năm 2025